

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 906/2002/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Về việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu
của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng*

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 356/1999/QĐ-NHNN ngày 06/10/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế về nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quy chế Chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng

(Ban hành kèm theo Quyết định

số: 906 /2002/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng, nhằm thực hiện chính sách tiền tệ và cung ứng vốn ngắn hạn cho các ngân hàng.
- Các ngân hàng được chiết khấu, tái chiết khấu theo Quy chế này là các ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là ngân hàng).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nghiệp vụ chiết khấu: là việc Ngân hàng Nhà nước mua các giấy tờ có giá ngắn hạn, còn thời hạn thanh toán và thuộc sở hữu của các ngân hàng. Các giấy tờ có giá này được các ngân hàng mua hoặc đấu thầu trên thị trường sơ cấp.

2. Nghiệp vụ tái chiết khấu: là việc Ngân hàng Nhà nước mua các giấy tờ có giá ngắn hạn, còn thời hạn thanh toán và thuộc sở hữu của các ngân hàng. Các giấy tờ có giá này đã được các ngân hàng mua hoặc chiết khấu trên thị trường thứ cấp.

3. Lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu: là lãi suất Ngân hàng Nhà nước áp dụng để tính số tiền Ngân hàng Nhà nước phải thanh toán cho các ngân hàng khi chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá ngắn hạn và số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán lại cho các ngân hàng khi hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu, trong trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn.

4. Ngày giao dịch: được tính theo ngày làm việc, không tính ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ và nghỉ tết.

Điều 3. Các hình thức chiết khấu, tái chiết khấu

1. Chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá ngắn hạn: Ngân hàng Nhà nước mua hẳn giấy tờ có giá ngắn hạn của các ngân hàng.

2. Chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn: Các ngân hàng cam kết sẽ mua lại toàn bộ giấy tờ có giá ngắn hạn được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu sau một thời gian nhất định.

Điều 4. Điều kiện của các giấy tờ có giá ngắn hạn được chiết khấu, tái chiết khấu

1. Giấy tờ có giá ngắn hạn được chiết khấu, tái chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước bao gồm: Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các loại giấy tờ có giá khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

2. Các giấy tờ có giá ngắn hạn nêu tại Khoản 1 điều này được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:

a. Phát hành bằng đồng Việt Nam và có thể chuyển nhượng được;

b. Thời hạn còn lại tối đa là 90 ngày trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá ngắn hạn.

c. Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá phải dài hơn thời hạn Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu, trong trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn.

Điều 5. Lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu

Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố một mức lãi suất áp dụng chung cho nghiệp vụ chiết khấu và tái chiết khấu (sau đây gọi là lãi suất chiết khấu) phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Điều 6. Phương thức thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu

1. Phương thức trực tiếp: Các ngân hàng giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước để thực hiện việc chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá ngắn hạn;
2. Phương thức gián tiếp: Các ngân hàng thực hiện các thủ tục chiết khấu, tái chiết khấu thông qua hệ thống nối mạng với Ngân hàng Nhà nước hoặc qua FAX. Việc giao dịch theo phương thức gián tiếp phải bảo đảm an toàn.

Điều 7. Phân cấp thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

1. Việc chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng được thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trụ sở chính tại Hà Nội) hoặc các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.
2. Căn cứ khối lượng tiền cung ứng dành cho nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu đã được phê duyệt trong từng thời kỳ, Vụ trưởng Vụ Tín dụng xem xét quyết định chiết khấu, tái chiết khấu đối với các đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu có giá trị đến 200 tỷ đồng và trình Thống đốc xem xét quyết định đối với các đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu có giá trị trên 200 tỷ đồng. Trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể ủy quyền cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố xem xét, quyết định chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá cho các ngân hàng trên địa bàn. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chỉ được quyết định việc chiết khấu, tái chiết khấu trong phạm vi đã được ủy quyền.
3. Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp trụ sở chính của ngân hàng đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu đặt tại Hà Nội) hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố (trên địa bàn ngân hàng đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu đặt trụ sở chính) tổ chức thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu, bao gồm việc giao, nhận giấy tờ có giá ngắn hạn, xác định và thanh toán số tiền chiết khấu, tái chiết khấu đối với các ngân hàng, xác định số tiền bán lại giấy tờ có giá ngắn hạn cho các ngân hàng khi hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu (trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn), hạch toán, theo dõi, lưu giữ các giấy tờ có giá ngắn hạn và thanh toán giấy tờ có giá ngắn hạn đối với tổ chức phát hành khi đến hạn.

Điều 8. Thủ tục thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu

1. Các ngân hàng (trụ sở chính) có nhu cầu chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá ngắn hạn gửi giấy đề nghị chiết khấu (theo Mẫu số 01) cho Ngân hàng Nhà nước vào các ngày làm việc trong tuần;
2. Căn cứ vào giấy đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu của ngân hàng và nguồn vốn dành cho nghiệp vụ này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định và thông báo chấp nhận (theo mẫu số 02) hoặc thông báo không

chấp nhận (theo mẫu số 03) trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi nhận được giấy đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu.

Điều 9. Các trường hợp không chấp nhận chiết khấu, tái chiết khấu

1. Các giấy tờ có giá ngắn hạn không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;
2. Giấy đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu gửi Ngân hàng Nhà nước có nội dung không phù hợp với Mẫu số 01, người ký không đúng thẩm quyền;

Điều 10. Công thức xác định số tiền thanh toán khi chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá ngắn hạn của các ngân hàng.

1. Trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại

Gt

St=

Lsx Tc

$1 + 365 \times 100$

Trong đó:

St: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá ngắn hạn;

Gt: Giá trị giấy tờ có giá ngắn hạn khi đến hạn thanh toán;

Tc: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá ngắn hạn (từ ngày chiết khấu, tái chiết khấu đến ngày đến hạn thanh toán giấy tờ có giá ngắn hạn);

Ls: Lãi suất chiết khấu (tính theo năm) tại thời điểm chiết khấu, tái chiết khấu;

1. Số ngày quy ước 1 năm

2. Trường hợp chiết khấu có kỳ hạn

a. Công thức xác định số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho các ngân hàng khi chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá: Được tính theo công thức nêu tại khoản 1 Điều này.

b. Công thức xác định số tiền các ngân hàng thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu:

Lmx Tm

$Gv = St \times (1 +) 365 \times 100$

Trong đó: Gv: Giá các ngân hàng thanh toán khi mua lại giấy tờ có giá;

St: Số tiền Ngân hàng Nhà nước đã thanh toán cho ngân hàng khi chiết khấu, tái chiết khấu

Lm: Lãi suất chiết khấu (tính theo năm) tại thời điểm mua lại

Tm: thời gian NHNN chiết khấu, tái chiết khấu (tính theo ngày)

Điều 11. Giao, nhận giấy tờ có giá ngắn hạn và thanh toán khi chiết khấu, tái chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước.

1. Sau khi nhận được thông báo về việc chấp nhận chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu tiến hành thủ tục bàn giao giấy tờ có giá ngắn hạn và nhận tiền thanh toán từ Ngân hàng Nhà nước tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn. Trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn, ngân hàng đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước cam kết mua lại giấy tờ có giá (theo mẫu số 04) trước khi thực hiện việc bàn giao và nhận tiền thanh toán.

2. Khi hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu (trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có kỳ hạn), các ngân hàng nhận lại giấy tờ có giá ngắn hạn, đồng thời, thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá ngắn hạn cho Ngân hàng Nhà nước theo cam kết. Trường hợp hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu mà ngân hàng không nhận lại giấy tờ có giá ngắn hạn và thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước theo đúng cam kết thì Ngân hàng Nhà nước sẽ trích tài khoản của ngân hàng hoặc chuyển số tiền các ngân hàng phải thanh toán sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất chiết khấu.

3. Trường hợp các ngân hàng đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu không bàn giao giấy tờ có giá đúng danh mục trong thông báo chấp nhận chiết khấu, tái chiết khấu theo thời hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước, coi như các ngân hàng đã huỷ bỏ đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu. Một ngân hàng huỷ bỏ đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu 2 lần thì ngân hàng đó sẽ không được tiếp tục tham gia nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày vi phạm lần thứ 2.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ: Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

a. Xác định tổng khối lượng tiền cung ứng dành cho nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu trong từng thời kỳ;

b. Xác định và công bố lãi suất chiết khấu trong từng thời kỳ;

c. Bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục các giấy tờ có giá ngắn hạn được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu khi cần thiết.

2. Vụ Tín dụng:

a. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị chiết khấu của các ngân hàng và xem xét, quyết định các đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu có giá trị đến 200 tỷ đồng.

b. Trình Thống đốc xem xét, quyết định các đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu có giá trị trên 200 tỷ đồng.

c. Thông báo cho Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan biết để thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu.